

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006*

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

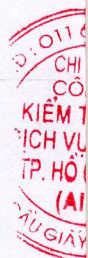
Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

---

<b>Mục lục</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 17



## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006*

Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006, như sau:

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý, được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 0603000007 ngày 13 tháng 9 năm 2000, đăng ký lại lần thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2006 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng chẵn*), vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2006 là 4.828.700.000 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm hai tám triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

Cơ cấu vốn thực góp:

- Phần vốn nhà nước tại Công ty với số tiền là 0 VND, tương đương 0% vốn thực góp.
- Các cổ đông là người lao động của Công ty góp cổ phần số tiền là 4.828.700.000 VND, tương đương với 100% vốn thực góp.

### **2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Xây dựng: dân dụng, giao thông đường bộ, thủy lợi, công nghiệp đường dây, trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống; xây dựng các khu công viên văn hóa (bao gồm các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí).

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Thăm dò, khai thác, chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản hóa chất;
- Sản xuất mua bán: thực phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng nội thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà đất), đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống;

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006

### **3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Xây dựng: dân dụng, giao thông đường bộ, thủy lợi, công nghiệp đường dây và trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí. Kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng và cảng biển;
- Sản xuất kinh doanh và in các nhãn vở bao, bao bì và đóng gói;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: Công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại. Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Sản xuất xi măng các loại, sản xuất các sản phẩm bê tông: Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.

### **3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty**

#### **❖ Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Xuân Mai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Mão	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Đặng Quang Vĩnh	Ủy viên Hội đồng quản trị

#### **❖ Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Xuân Mai	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Giám đốc

### **3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2006, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2006 và các dòng lưu chuyển tiền tệ năm 2006 của Công ty Cổ phần khoáng sản Hà Nam thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến 17 kèm theo.

### **4. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006*

### **5. Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các nguyên tắc kế toán, chế độ tài chính và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.


Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm kiểm toán, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 26 tháng 10 năm 2007

Giám đốc



**Nguyễn Xuân Mai**



# CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 9305163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 9304281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 70956.06.CP/BCKT- AISHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2007

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi:

**GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam (sau đây được viết tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 được trình bày từ trang 05 đến trang 17 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến :**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2006, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, được lập phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

**Kiểm toán viên**

**Hồ Trung Trực**

Chứng chỉ KTV số: 0310/KTV

**Giám đốc**



**Đào Tiến Đạt**

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Branch in Hà Nội : 24.2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Tel : (04) 7820 045 /46 /47

Fax : (04) 7820 048

Email: aishn@hn.vnn.vn<sup>4</sup>

Branch in Đà Nẵng : 92 A Quang Trung St, Hải Châu Dist, Đà Nẵng

Tel : (0511) 895 619

Fax : (0511) 895 620

Email: aiscct@dng.vnn.vn

Representative in Cần Thơ : 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Cần Thơ

Tel : (071) 813 004

Fax : (071) 828 765

Representative in Hải Phòng : 21 Lương Khánh Thiện St, Ngô Quyền Dist, Hải Phòng

Tel : (031) 3920 797

Fax : (031) 3920 793

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

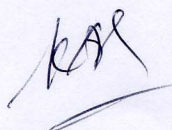
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006 VND	01/01/2006 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.282.051.489</b>	<b>13.123.864.858</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.170.157	69.948.159
1. Tiền	111	V.1	27.170.157	69.948.159
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu	130		5.449.024.753	8.312.276.039
1. Phải thu khách hàng	131		5.449.024.753	8.297.382.639
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	0	14.893.400
IV. Hàng tồn kho	140		5.743.509.633	4.694.843.644
1. Hàng tồn kho	141	V.4	5.743.509.633	4.694.843.644
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.346.946	46.797.016
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.490.611	15.497.016
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.856.335	31.300.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.881.087.333</b>	<b>4.675.123.326</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		4.881.087.333	4.675.123.326
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.807.232.833	4.601.268.826
<i>Nguyên giá</i>	222		6.688.739.598	6.231.927.598
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.881.506.765)	(1.630.658.772)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	73.854.500	73.854.500
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>16.163.138.822</b>	<b>17.798.988.184</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

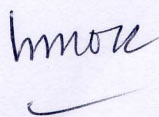
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006 VND	01/01/2006 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.241.804.653</b>	<b>12.875.004.489</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.241.804.653</b>	<b>12.073.004.989</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	957.299.500	608.562.360
2. Phải trả người bán	312		10.026.622.764	11.297.967.451
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.407.211	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	256.475.178	166.475.178
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>801.999.500</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	801.999.500
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.921.334.169</b>	<b>4.923.983.695</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>4.888.142.512</b>	<b>4.890.792.038</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.828.700.000	4.841.200.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		59.442.512	49.592.038
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>33.191.657</b>	<b>33.191.657</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		33.191.657	33.191.657
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>16.163.138.822</b>	<b>17.798.988.184</b>

LẬP BIỂU



Đặng Kiều Anh

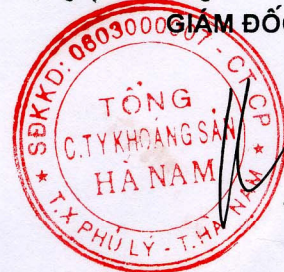
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mão

Hà Nam, ngày 26 tháng 10 năm 2007

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Mai



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2006

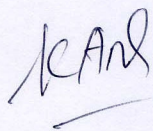
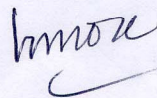
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	NĂM 2006 VND	NĂM 2005 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.462.599.940	3.142.773.184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.27	<b>2.462.599.940</b>	<b>3.142.773.184</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	2.390.561.130	2.583.201.477
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>72.038.810</b>	<b>559.571.707</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.471.056	3.048.557
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	56.880.827	154.655.220
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		56.880.827	154.655.220
8. Chi phí bán hàng	24		0	169.573.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.371.354	229.414.416
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>11.257.685</b>	<b>8.977.223</b>
11. Thu nhập khác	31		0	1.386.514.285
12. Chi phí khác	32		0	1.386.514.285
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.257.685	8.977.223
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	1.407.211	2.513.622
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.850.474	6.463.601
<b>18. Lãi có bản trên cổ phiếu (*)</b>			<b>168</b>	<b>133</b>

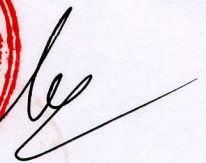
300 C  
NHÂN  
NG TY  
CÁN V  
TIN HC  
H MINH  
H HÀ N

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 26 tháng 10 năm 2007



Đặng Kiều Anh

Nguyễn Thị Mão

Nguyễn Xuân Mai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

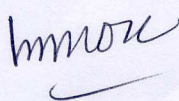
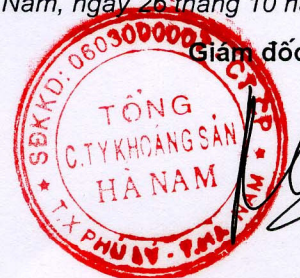
Năm 2006

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2006 VND
<b>I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	16.997.530.539
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.060.736.835)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(379.988.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(71.180.827)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	385.618.176
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(276.474.500)
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>594.768.053</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.453.945
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.453.945</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(639.000.000)
5. Tiền chi trả nợ cho thuê tài chính	35	
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(639.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(42.778.002)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>69.948.159</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>27.170.157</b>

Hà Nam, ngày 26 tháng 10 năm 2007

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Đặng Kiều Anh**

**Nguyễn Thị Mão**

**Nguyễn Xuân Mai**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý, được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 0603000007 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và đăng ký lại lần thứ 4 ngày 25 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ tại 31/12/2006 theo Giấy đăng ký kinh doanh là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn), vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2006 là 4.828.700.000 đồng (Bốn tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Cơ cấu vốn thực góp:

- Vốn Nhà nước góp cổ phần tại Công ty với số tiền là 0 VND, tương đương 0% vốn thực góp.
- Các cổ đông là người lao động của Công ty góp cổ phần số tiền là 4.828.700.000 VND, tương đương với 100% vốn thực góp.

**2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Xây dựng: dân dụng, giao thông đường bộ, thủy lợi, công nghiệp đường dây, trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống; xây dựng các khu công viên văn hóa (bao gồm các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí).

**3- Ngành nghề kinh doanh**

- Thăm dò, khai thác, chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản hóa chất;
- Sản xuất mua bán: thực phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, hàng nội thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản (kinh doanh nhà đất), đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống;
- Xây dựng: dân dụng, giao thông đường bộ, thủy lợi, công nghiệp đường dây và trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí. Kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng và cảng biển;
- Sản xuất kinh doanh và in các nhãn vở bao, bao bì và đóng gói;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3- Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: Công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại. Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Sản xuất xi măng các loại, sản xuất các sản phẩm bê tông: Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.

**II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

**III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

COO  
HÀNH  
NG TY  
TOÁN V  
TIN H  
HI MINH  
SC)  
P. H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ.

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: được ghi nhận theo Chuẩn mực số 15 - *Hợp đồng xây dựng*.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là phí lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo Quyết định số 100/QĐ-UB ngày 16/ 01/2001 của UBND tỉnh Hà Nam về việc cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho Công ty Cổ phần khoáng sản Hà Nam. Theo đó Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo tính từ thời điểm có thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%.

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1 - Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Tiền mặt	24.388.817	60.971.422
Tiền gửi ngân hàng	2.781.340	8.976.737
<b>Cộng</b>	<b>27.170.157</b>	<b>69.948.159</b>

**3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Tạm ứng lương cho cán bộ công nhân viên	0	14.893.400
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>14.893.400</b>

**4 - Hàng tồn kho**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.353.201.033	449.453.524
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.390.308.600	4.245.390.120
<b>Cộng</b>	<b>5.743.509.633</b>	<b>4.694.843.644</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Sại 01/01/2006	4.610.358.210	159.370.400	1.032.747.383	429.451.605	6.231.927.598
Mua trong năm	0	0	0	0	0
Đầu tư XDCB hoàn thành	456.812.000	0	0	0	456.812.000
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Tại 31/12/2006	5.067.170.210	159.370.400	1.032.747.383	429.451.605	6.688.739.598
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Tại 01/01/2006	1.161.068.686	104.687.887	334.408.238	30.493.961	1.630.658.772
Khấu hao trong năm	107.084.962	12.518.217	77.593.238	53.651.576	250.847.993
Giảm trong năm	0	0	0	0	0
Tại 31/12/2006	1.268.153.648	117.206.104	412.001.476	84.145.537	1.881.506.765
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2006	3.449.289.524	54.682.513	698.339.145	398.957.644	4.601.268.826
Tại 31/12/2006	3.799.016.562	42.164.296	620.745.907	345.306.068	4.807.232.833

- o Giá trị còn lại tại 31/12/2006 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 233.532.191 VND.
- o Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2006 nhưng vẫn còn sử dụng: 362.588.000 VND.
- o Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2006 chờ thanh lý: 2.695.299.354 VND.

**11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Tổng số xây dựng cơ bản dở dang	73.854.500	73.854.500
- Công trình làm sân Tennis	73.854.500	73.854.500
<b>Cộng</b>	<b>73.854.500</b>	<b>73.854.500</b>

**15- Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Vay ngắn hạn	589.300.000	608.562.360
Nợ dài hạn đến hạn trả	367.999.500	0
<b>Cộng</b>	<b>957.299.500</b>	<b>608.562.360</b>

**16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.407.211	0
<b>Cộng</b>	<b>1.407.211</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2006

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	373.822	0
Phải trả phải nộp khác	256.101.356	166.475.178
<b>Cộng</b>	<b>256.475.178</b>	<b>166.475.178</b>

**20- Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	0	801.999.500
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>801.999.500</b>

**22- Nguồn vốn chủ sở hữu:****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư năm trước</b>	<b>5.056.000.000</b>	<b>14.824.550</b>	<b>5.070.824.550</b>
Tăng trong năm	62.700.000	34.767.488	97.467.488
Lãi trong năm	0	6.463.601	6.463.601
Tăng khác	0	28.303.887	28.303.887
Giảm vốn trong năm	277.500.000	0	277.500.000
<b>Số dư cuối năm trước, đầu năm nay</b>	<b>4.841.200.000</b>	<b>49.592.038</b>	<b>4.890.792.038</b>
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0
Lãi trong năm nay	0	9.850.474	9.850.474
Giảm vốn trong năm nay	12.500.000	0	12.500.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>4.828.700.000</b>	<b>59.442.512</b>	<b>4.888.142.512</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Các cổ đông là người lao động của Công ty góp vốn	4.828.700.000	4.841.200.000
Vốn góp của các đối tượng khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>4.828.700.000</b>	<b>4.841.200.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2006**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	4.841.200.000	5.056.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	62.700.000
+ Vốn góp giảm trong năm	12.500.000	277.500.000
+ Vốn góp cuối năm	4.828.700.000	4.841.200.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

**đ- Cổ phiếu**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	482.870	484.120
+ Cổ phiếu phổ thông	482.870	484.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	482.870	484.120
+ Cổ phiếu phổ thông	482.870	484.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e- Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	33.191.657	33.191.657
<b>Cộng</b>	<b>33.191.657</b>	<b>33.191.657</b>

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi của doanh nghiệp:

Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty; chia cho hoạt động thể thao văn hoá, tham quan, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên trong Công ty. Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên theo thoả ước lao động tập thể...

Quỹ khen thưởng được sử dụng thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và các cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
<b>25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.462.599.940</b>	<b>3.142.773.184</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	201.049.450	0
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.261.550.490	3.142.773.184
<b>26- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.462.599.940</b>	<b>3.142.773.184</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	201.049.450	0
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	2.261.550.490	3.142.773.184
<b>28- Giá vốn hàng bán</b>		
	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	202.049.450	0
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.188.511.680	2.583.201.477
<b>Cộng</b>	<b>2.390.561.130</b>	<b>2.583.201.477</b>
<b>29- Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.471.056	3.048.557
<b>Cộng</b>	<b>1.471.056</b>	<b>3.048.557</b>
<b>30- Chi phí hoạt động tài chính</b>		
	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Lãi tiền vay ngân hàng	56.880.827	154.655.220
<b>Cộng</b>	<b>56.880.827</b>	<b>154.655.220</b>
<b>31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.407.211	2.513.622
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.407.211</b>	<b>2.513.622</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.407.211</b>	<b>2.513.622</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006.

**5- Thông tin so sánh**

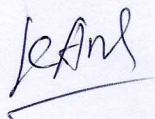
Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2006 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2005 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam, đã được phân loại và trình bày phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm 2006 theo Quyết định số 15/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

**6- Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

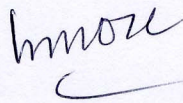
Hà Nam, ngày 26 tháng 10 năm 2007

Người lập biểu



Đặng Kiều Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mão

Giám đốc



Nguyễn Xuân Mai